

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v tranh chấp “ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Minh Tâm

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2489/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Tú N – sinh năm: 1996, Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp AQ, xã AT 3, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Lê Văn B – sinh năm: 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: 80/4 ấp PA, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-5-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Thị Tú N trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Lê Văn B tại Ủy ban nhân dân xã Phú Khánh, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre vào ngày 29-7-2014, hôn nhân giữa chị và anh B là tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh B đi làm ở tỉnh Bình Dương, đến tháng 3 năm 2017 anh B về tỉnh Trà Vinh làm việc. Do anh B thường xuyên ghen tuông, mỗi lần ghen tuông đều có lời lẽ xúc phạm, đánh đập chị nên chị có khuyên anh B không về Trà Vinh nhưng anh B vẫn về. Vào ngày 29-4-2017 anh B có lên Bình Dương thăm chị và con, chỉ vì thấy chị mặc quần ngắn mà anh B có lời lẽ xúc phạm chị. Từ lúc chị làm đơn yêu cầu ly hôn anh B thường xuyên gọi điện thoại chửi bới chị và gia đình chị, chị xác định hôn nhân của chị và anh B không thể hàn gắn nên chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B.

Về nuôi con chung: chị và anh B có một con chung là Lê Thành Triệu, sinh ngày 13-11-2013, con chung đang sống với chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, chị đi làm công nhân ở Bình Dương có đủ khả năng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 07-5-2017 và quá trình tố tụng bị đơn Lê Văn B trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng.

Đối với yêu cầu ly hôn của chị N anh không đồng ý, anh thừa nhận hiện nay vợ anh đi làm trên Bình Dương, anh đi làm ở Trà Vinh, thừa nhận trong thời gian sống chung anh từng đánh vợ, vợ chồng có cự cãi. Vào ngày 29-4-2017 anh có lên Bình Dương thăm vợ, do thấy vợ anh mặc quần ngắn ra ngoài anh không đồng ý dẫn tới vợ chồng có cự cãi nên vợ anh mới có yêu cầu ly hôn. Anh xác định vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Nếu yêu cầu ly hôn của chị N được Tòa án chấp nhận anh yêu cầu được nuôi con chung, nghề nghiệp của anh là đi làm biển có thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ chưa đầy đủ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú N. Cho chị Nguyễn Thị Tú N ly hôn với anh Lê Văn B theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thành Triệu, sinh ngày 13-11-2013 cho chị Nguyễn Thị Tú N trực tiếp nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị N và anh B trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tú N thì chị N yêu cầu ly hôn với

anh Nguyễn Văn B, yêu cầu về nuôi con chung nên đây là tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Văn B đăng ký thường trú tại ấp Phú Long Phụng A, xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: nguyên đơn Nguyễn Thị Tú N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Lê Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Tú N và anh Lê Văn B là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đã không còn sống chung và không hàn gắn được tình cảm. Chị N xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, trong thời gian chung sống anh B thường xuyên ghen tuông dẫn tới vợ chồng cự cãi, anh B đánh đập chị. Anh B không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận vợ chồng sống chung có cự cãi, anh có đánh chị N. Trong thời gian chị N gửi đơn xin ly hôn tình cảm của chị N và anh B vẫn không hàn gắn được. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N có yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh B. Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[3] *Về nuôi con chung*: chị N và anh B có con chung là Lê Thành Triệu, sinh ngày 13-11-2013. Cháu Triệu đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N và anh B đều yêu cầu được nuôi cháu Triệu và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét cháu Triệu đang sống chung với chị N vẫn phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần nên chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Triệu là có căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị N. Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Chị N, anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung*: Chị N, anh B không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí, Điều 26, 27, Tiểu

mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Cho chị Nguyễn Thị Tú N ly hôn với anh Lê Văn B. Chị N, anh B không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. *Về nuôi con chung*: chị Nguyễn Thị Tú N được trực tiếp nuôi con chung Lê Thành Triệu, sinh ngày 13-11-2013. Anh B không cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Chị N, anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản, nợ chung*: Chị N, anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai số 0010531 ngày 05-5-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN SƠN – HUỲNH THỊ MINH TÂM

CAO THANH MINH

Nơi nhận:

- Đường sù;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh